

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo.

Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trang Huỳnh N, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số S đường T, khóm H, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Ngô Minh H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số M đường N, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2018, đơn tường trình ngày 27 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trang Huỳnh N trình bày:

Bà và ông Ngô Minh H tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức lễ cưới vào ngày 28/12/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông H không có con chung, không có nợ chung.

Về tài sản chung: Khi gia đình ông H đến đám hỏi vào ngày 13/10/2017 đã nộp tài cho gia đình bà với số tiền 20.000.000 đồng; cho bà 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; Vào ngày tổ chức lễ cưới 28/12/2017 gia đình ông H có cho bà và ông H 09 chỉ vàng 24K để làm tài sản chung. Mẹ ruột của bà có cột tay (cho) bà 02 lượng vàng 24K.

Về số tiền 20.000.000 đồng bên gia đình ông H cho, bà đã sử dụng vào việc sửa lại căn nhà số S đường T, khóm H, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng để chuẩn bị tổ chức lễ cưới.

Số vàng 01 lượng vàng 24K gia đình ông H cho, bà và ông H đã thống nhất bán được số tiền 35.400.000 đồng để trả chi phí: Tiền thuê xe đưa dâu, thuê rạp, mâm bàn, nhạc sống và những phần còn thiếu sau lễ cưới.

Riêng 02 lượng vàng 24K mẹ bà cột tay cho bà thì bà đã bán để trả nợ vay tại Ngân hàng. Việc này bà có nói với ông H và ông H cũng đồng ý.

Sau thời gian chung sống thì bà và ông H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, ông H có tính gia trưởng, sống không có mục tiêu, bà và ông H sống chung một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông H đã sống ly thân từ ngày 11/01/2018 cho đến nay. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Ngô Minh H là vợ chồng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà đồng ý việc ông H xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung theo đơn tường trình ngày 22 tháng 05 năm 2018 và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Tại đơn tường trình đề ngày 22 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Ngô Minh H trình bày:*

Ông và bà Trang Huỳnh N tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới vào ngày 28/12/2017, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà N không có con chung, không có nợ chung.

Về tài sản chung: Khi gia đình ông đến đám hỏi bà N vào ngày 13/10/2017 đã nộp tài cho gia đình bà N với số tiền 20.000.000 đồng; cho bà N 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; Vào ngày tổ chức lễ cưới 28/12/2017 gia đình ông có cho ông và bà N 09 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 1,5 chỉ vàng 18K để làm tài sản chung. Mẹ ruột của bà N và họ hàng bà N cho ông và bà N 02 lượng vàng 24K. Tổng số tài sản chung ông và bà N được cho là 03 lượng vàng 24K; 20.000.000 đồng tiền mặt; 02 chiếc nhẫn cưới trọng lượng 1,5 chỉ vàng 18K quy ra bằng tiền khoảng 130.000.000 đồng. Hiện nay bà N đang giữ số tài sản chung này. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả lại cho ông 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; 01 kiềng đeo cổ 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K; quy ra bằng tiền khoảng 36.000.000 đồng. Còn phần vàng nữ trang bên mẹ bà N cho ông không nhận.

Vào ngày 06/8/2018 ông H có nộp cho Tòa án đơn xin rút lại đơn yêu cầu chia tài sản chung (đơn tường trình ngày 22/5/2018) và tại phiên tòa ông H cũng xin rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Vì ông vẫn còn tình cảm với bà N nên không muốn phân chia tài sản chung.

Quá trình chung sống giữa ông và bà N đã xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông vẫn còn tình cảm với bà N, nhưng bà N kiên quyết và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên ông thừa nhận quan hệ sống chung giữa ông và bà N không phải là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung theo đơn

tường trình ngày 22 tháng 5 năm 2018 vì ông vẫn còn tình cảm với bà N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nữa.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Ngô Minh H, mặc dù tại đơn tường trình đề ngày 22 tháng 5 năm 2018 của ông H đã yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bà N trả lại cho ông 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; 01 kiềng đeo cổ 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K; quy ra bằng tiền khoảng 36.000.000 đồng, còn phần vàng nữ trang bên mẹ bà N cho ông không nhận. Nhưng đến ngày 06 tháng 8 năm 2018 ông H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, đồng thời tại phiên tòa ông H vẫn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà N trả lại cho ông 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; 01 kiềng đeo cổ 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K; quy ra bằng tiền khoảng 36.000.000 đồng, còn phần vàng nữ trang bên mẹ bà N cho ông không nhận; nếu sau này ông H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N: Xét thấy, bà Trang Huỳnh N và ông Ngô Minh H đều thừa nhận ông, bà tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 28/12/2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thì ông H, bà N phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, sống chung một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tại tòa bà N xác định không còn tình cảm với ông H, cuộc sống chung của hai người không hạnh phúc và ông H, bà N đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Ông H vẫn còn tình cảm với bà N nhưng tại tòa ông H không đưa được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà N. Ông H cũng nhận thức được đời sống chung giữa ông H và bà N không thể tiếp tục nên ông H và bà N đều thừa nhận quan hệ sống chung giữa ông, bà không phải là vợ chồng. Tại khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này...”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N về không công nhận bà Trang Huỳnh N và ông Ngô Minh H là vợ chồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông H và bà N đều thừa nhận quá trình chung sống ông, bà không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, bà N cũng đồng ý. Bà N cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung giữa bà và ông H. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của ông H như nhận định ở phần [1].

[5] Về nợ chung: Bà Trang Huỳnh N và ông Ngô Minh H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trang Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Ông Ngô Minh H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 3, Điều 18 và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trang Huỳnh N và ông Ngô Minh H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Ngô Minh H về yêu cầu bà Trang Huỳnh N trả lại cho ông 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K; 01 kiềng đeo cổ 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K; quý ra bằng tiền khoảng 36.000.000 đồng, phần vàng nữ trang bên mẹ bà N cho ông H không nhận; nếu sau này ông H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Bà Trang Huỳnh N và ông Ngô Minh H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

4.1. Bà Trang Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001730 ngày 10/5/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Ông Ngô Minh H không phải chịu án phí chia tài sản chung. Hoàn trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp số tiền 900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001842 ngày 15/6/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP P;
- Chi cục THADSTP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Ủy ban nhân dân phường 8, TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Bích Tuyền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay ngày 14/7/2017, tại Phòng nghị án Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Cận; 2. Bà Võ Ngọc Các

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức Trọng**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 2/52 đường Lê Vĩnh Hòa, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Tường Vi**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 2/52 đường Lê Vĩnh Hòa, khóm 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số 141/1 ấp Phú Hòa, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5 và Điểm a, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức Trọng và bà Trương Thị Tường Vi.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Đức Anh (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải Ngân (nữ, sinh ngày 29/6/2012) cho bà Trương Thị Tường Vi trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Đức Trọng phải đóng góp nuôi con với bà Trương Thị Tường Vi mỗi cháu một tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Anh, cháu Ngân đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đức Trọng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Hải Ngân theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đức Trọng và bà Trương Thị Tường Vi không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức Trọng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004899 ngày 17/02/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông Trọng còn phải nộp thêm án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Bà Trương Thị Tường Vi không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết:

- * Hội thẩm nhân dân thứ 1: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Hội thẩm nhân dân thứ 2: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Tổng số ý kiến biểu quyết thống nhất: 03/03; không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

